

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Trần Đức Nhì

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi – Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN S, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN S, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 359/2021/TLST-HN ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc: “vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Chí H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 524/23 Lô 69 NĐC, Phường B, Quận B, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Thuỳ Tr, sinh năm 1969;

Địa chỉ thường trú: 708/12 HB, Phường M, Quận MM, Thành phố H.

Nơi cư trú cuối cùng: 62 Đường số 52, Phường 10, Quận 6, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các bản tự khai, nguyên đơn Ông Tạ Chí H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Trương Thị Thuỳ Tr tự nguyện chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 11, Thành phố H (theo giấy chứng nhận kết hôn số 109/KH ngày 29/10/2004).

Trong khoảng thời gian chung sống ông phát hiện Bà Trương Thị Thuỳ Tr ngoại tình, sau đó bà Tr bỏ đi từ năm 2013 đến nay không liên lạc được. Ngày

10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân QUẬN S ban hành Quyết định số 61/2021/QĐST-DS tuyên bố Bà Trương Thị Thủy Tr mất tích. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với Bà Trương Thị Thủy Tr.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Tạ Công Khả A, sinh ngày 26/12/2004 và Tạ Công Khả Tr, sinh ngày 26/12/2004. Ông H đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ A, trẻ Tr. Không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung : Tự thỏa thuận

Nợ chung của vợ chồng: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Tạ Chí H và Bà Trương Thị Thủy Tr có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân QUẬN S ban hành Quyết định số 61/2021/QĐST-DS tuyên bố Bà Trương Thị Thủy Tr mất tích. Xét thấy, tình cảm của Ông H, bà Tr không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc Ông H xin ly hôn với Bà Trương Thị Thủy Tr là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Tạ Công Khả A, sinh ngày 26/12/2004 và Tạ Công Khả Tr, sinh ngày 26/12/2004. Ông H đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ A, trẻ Tr. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông H, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung : Tự thỏa thuận

Nợ chung của vợ chồng: Không có.

Căn cứ Điều 19, Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông Tạ Chí H được ly hôn với Bà Trương Thị Thủy Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù, bà Trương Thị Thủy Tr đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Thủy Tr vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông H yêu cầu ly hôn với Bà Trương Thị Thuỳ Tr. Do đó đây là “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 62 Đường số 52, Phường 10, QUẬN S, Thành phố H nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN S, Thành phố H.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Chí H và Bà Trương Thị Thuỳ Tr quen biết, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 11, Thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109/KH ngày 29/10/2004, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa Ông Tạ Chí H và Bà Trương Thị Thuỳ Tr là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng Bà Trương Thị Thuỳ Tr đã bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay, không liên lạc với gia đình. Ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân QUẬN S ban hành Quyết định số 61/2021/QĐST-DS tuyên bố Bà Trương Thị Thuỳ Tr mất tích. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc Ông Tạ Chí H nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Thuỳ Tr là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Tạ Công Khả A, sinh ngày 26/12/2004 và Tạ Công Khả Tr, sinh ngày 26/12/2004. Ông H đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ A, trẻ Tr. Tại bản trình bày nguyện vọng, Tạ Công Khả A có nguyện vọng được ở với cha ; Theo trình bày của Ông Tạ Chí H, Tạ Công Khả Tr bị bệnh chậm phát triển trí tuệ nên không thể viết bản trình bày nguyện vọng. Hội đồng xét xử xét, hiện tại anh/chị Tạ Công Khả A, Tạ Công Khả Tr đang do Ông H chăm sóc, nuôi dưỡng ; Bà Tr đã bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay không liên lạc với gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Tạ Công Khả A, sinh ngày 26/12/2004 và Tạ Công Khả Tr, sinh ngày 26/12/2004 cho Ông Tạ Chí H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông H, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung : Ông H đề nghị được tự thỏa thuận với bà Tr, bà Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Nợ chung của vợ chồng: Ông H xác nhận không có; bà Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho Ông Tạ Chí H ly hôn với Bà Trương Thị Thùy Tr.

2. Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Tạ Công Khả A, sinh ngày 26/12/2004 và Tạ Công Khả Tr, sinh ngày 26/12/2004. Giao con chung Tạ Công Khả A, sinh ngày 26/12/2004 và Tạ Công Khả Tr, sinh ngày 26/12/2004 cho Ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông H, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Bà Trương Thị Thùy Tr được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền

3. Tài sản chung : Ông H đề nghị được tự thỏa thuận với bà Tr, bà Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Nợ chung của vợ chồng: Ông H xác nhận không có; bà Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) Ông Tạ Chí H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0011618 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự QUẬN S, Ông Tạ Chí H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 109/KH, ngày 29/10/2004 do Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 11, Thành phố H cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết

bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S;
- Chi cục thi hành án dân sự QUẬN S;
- UBND P1, Q11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam